

Số: 1698 /QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2014.

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế kiểm tra, tự kiểm tra
công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thuế**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 1/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/04/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/04/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ và Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 1/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quy chế kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 576/QĐ-BTC ngày 05/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thuế.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 ;
- Vụ TĐKT Bộ TC;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB (4b).



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Bùi Văn Nam

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2014

QUY CHẾ
KIỂM TRA, TỰ KIỂM TRA CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG
TRONG NGÀNH THUẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1698/QĐ-TCT
ngày 7 tháng 10 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua khen thưởng:

1. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng là việc cơ quan thuế cấp trên tổ chức kiểm tra (theo nội dung kiểm tra) về công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc.

2. Tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng là việc cơ quan, đơn vị tự rà soát việc tổ chức, triển khai, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật và Bộ, ngành về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này quy định việc xây dựng kế hoạch, quy trình và nội dung chi tiết của việc kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng và được áp dụng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục Thuế và các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Tổng cục Thuế là đơn vị chịu trách nhiệm chung về tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn ngành.

3. Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra và chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc (Phòng thuộc Cục Thuế và Chi cục Thuế) tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình theo quy định của Tổng cục Thuế tại Quy chế này.

4. Các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình.

5. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Mục đích kiểm tra, tự kiểm tra:

1. Tăng cường và thống nhất trong toàn ngành về quy trình, nội dung của việc kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng.

2. Đảm bảo thực hiện nghiêm Luật Thi đua, khen thưởng, các chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước; hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế về thi đua, khen thưởng.

3. Giúp cơ quan, đơn vị trong ngành thực hiện tốt chính sách, chế độ về thi đua, khen thưởng đối với công chức, viên chức và người lao động; có biện pháp phòng ngừa và phát hiện kịp thời các vi phạm, sai sót trong công tác thi đua, khen thưởng để khắc phục, đồng thời có kiến nghị cơ quan chức năng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật, giữ gìn phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ.

Điều 4. Yêu cầu của việc kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua khen thưởng:

1. Đảm bảo tính khách quan, công bằng và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

2. Chỉ ra được những việc làm đúng, những việc làm chưa đúng.

3. Phát hiện và ngăn ngừa những việc làm dẫn đến sai trái, tiêu cực.

4. Đề xuất những giải pháp, biện pháp xử lý đúng đắn và có hiệu quả.

Điều 5. Các hình thức kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng:

1. Tổng cục Thuế thành lập đoàn kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong ngành theo kế hoạch năm hoặc đột xuất (theo vụ việc) theo chỉ đạo của lãnh đạo Tổng cục Thuế.

2. Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập đoàn kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng đối với các Phòng, Chi cục Thuế theo kế hoạch năm hoặc đột xuất (theo vụ việc) theo chỉ đạo của lãnh đạo Cục Thuế

3. Các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế; các Phòng, Chi cục Thuế thuộc và trực thuộc Cục Thuế thành lập tổ kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình đảm bảo đúng nội dung hướng dẫn tại Quy chế này.

4. Căn cứ điều kiện thực tế, việc kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Tổng cục Thuế và Cục Thuế được thực hiện riêng theo chuyên đề hoặc lồng ghép vào chương trình kiểm tra công vụ.

Chương II **XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA, TỰ KIỂM TRA**

Điều 6. Đối với Tổng cục Thuế:

Căn cứ vào kế hoạch của Bộ Tài chính, trên cơ sở tập hợp kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra của các đơn vị trong toàn ngành, Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch kiểm tra để trình Tổng cục Thuế phê duyệt và gửi kế hoạch đã được phê duyệt về Bộ Tài chính (Vụ Thi đua khen thưởng) và các đơn vị liên quan.

Điều 7. Trước ngày 31/12 hàng năm, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra, hướng dẫn nội dung kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng năm kế tiếp tại đơn vị mình và báo cáo Tổng cục Thuế (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

Điều 8. Trước ngày 15/12 hàng năm, các Chi cục Thuế xây dựng kế hoạch tự kiểm tra năm kế tiếp đối với các Đội và báo cáo Cục Thuế.

Chương III **THỦ TỤC, TRÌNH TỰ KIỂM TRA, TỰ KIỂM TRA**

Điều 9. Thủ tục kiểm tra:

1. Thành lập đoàn kiểm tra:

1.1. Đối với Tổng cục Thuế: Đoàn kiểm tra của Tổng cục Thuế do Lãnh đạo Tổng cục Thuế ký quyết định thành lập, thành phần gồm: Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ (hoặc lãnh đạo Phòng Thi đua), cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng thuộc Vụ Tổ chức cán bộ và thành viên khác có liên quan theo yêu cầu của từng đợt kiểm tra.

Căn cứ tình hình cụ thể, thành phần đoàn kiểm tra do Lãnh đạo Tổng cục Thuế quyết định.

1.2. Đối với Cục Thuế: Thành lập đoàn kiểm tra do Cục trưởng quyết định. Thành phần gồm: Lãnh đạo phòng Tổ chức cán bộ, cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng của Cục Thuế và thành viên khác có liên quan theo yêu cầu của từng đợt kiểm tra.

1.3. Quyết định kiểm tra gửi cho đơn vị được kiểm tra chậm nhất là 03 ngày (theo dấu bưu điện) kể từ ngày ký.

1.4. Quyết định kiểm tra được trưởng đoàn kiểm tra công bố tại đơn vị được kiểm tra sớm nhất là 10 ngày, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ra quyết định kiểm tra (trừ trường hợp đột xuất) để đơn vị chuẩn bị báo cáo và hồ sơ để đoàn kiểm tra làm việc.

2. Thành phần đơn vị được kiểm tra:

2.1. Đối với các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế: gồm lãnh đạo Vụ, đơn vị; phụ trách phòng, ban liên quan; đại diện cấp ủy Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, thanh tra nhân dân, công chức được phân công làm công tác thi đua khen thưởng ... của đơn vị.

2.2. Đối với Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: gồm lãnh đạo Cục Thuế, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, đại diện cấp ủy Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, thanh tra nhân dân, công chức được phân công làm công tác thi đua khen thưởng... của đơn vị.

2.3. Đối với Chi cục Thuế: gồm lãnh đạo Chi cục Thuế, Đội trưởng Đội Hành chính-Nhân sự-Tài vụ-Ấn chỉ, đại diện cấp ủy Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, thanh tra nhân dân, công chức được phân công làm công tác thi đua khen thưởng ... của đơn vị.

3. Tiến hành các bước theo trình tự tại khoản 1, điều 11.

Điều 10. Thủ tục tự kiểm tra:

1. Thành lập tổ kiểm tra:

1.1. Đối với các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế: Tổ kiểm tra do Lãnh đạo Vụ phân công, thành phần gồm: Lãnh đạo Vụ, đơn vị phụ trách công tác thi đua khen thưởng (hoặc người được uỷ quyền), đại diện Ban Chấp hành công đoàn, cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng của Vụ, đơn vị và thành viên khác có liên quan do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

1.2. Đối với các Phòng thuộc Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Phòng thuộc Cục Thuế: Trưởng phòng phân công bộ phận thực hiện việc tự kiểm tra. Thành phần gồm: Lãnh đạo phòng, cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng của Phòng và thành viên khác có liên quan theo yêu cầu của từng đợt tự kiểm tra.

1.3. Đối với Chi cục Thuế thuộc Cục Thuế: Chi cục trưởng phân công bộ phận thực hiện việc tự kiểm tra. Thành phần gồm: Lãnh đạo Chi cục Thuế, Đội trưởng Đội Hành chính-Nhân sự-Tài vụ-Ấn chỉ, cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng của Chi cục và thành viên khác có liên quan theo yêu cầu của từng đợt tự kiểm tra.

1.4. Bộ phận được giao nhiệm vụ tự kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra được phân công (trừ trường hợp đột xuất).

2. Tiến hành các bước theo trình tự tại khoản 2, điều 11.

Điều 11. Trình tự các bước tiến hành kiểm tra, tự kiểm tra:

1. Trình tự các bước tiến hành kiểm tra:

1.1. Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra, nghe báo cáo chung về tình hình của đơn vị theo các nội dung kiểm tra ghi trong quyết định.

1.2. Đại diện đơn vị được kiểm tra báo cáo bằng văn bản cụ thể nội dung tự kiểm tra của đơn vị (theo nội dung đã được thông báo), có kiến nghị và đề xuất của đơn vị

1.3. Sau khi công bố quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phân công việc kiểm tra từng nội dung cụ thể cho các thành viên của đoàn

1.4. Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được phân công yêu cầu đơn vị cung cấp hồ sơ để kiểm tra. Nội dung và kết quả kiểm tra được viết tay (hoặc đánh máy) có ký tên và nộp cho Trưởng đoàn kiểm tra

1.5. Trưởng đoàn tập hợp kết quả của từng thành viên trong đoàn, tổ kiểm tra và lập thành biên bản kiểm tra.

1.6. Biên bản kiểm tra phải được thông qua từng thành viên trong đoàn kiểm tra để thống nhất

1.7. Đoàn kiểm tra và đơn vị thống nhất nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

1.8. Trưởng đoàn kiểm tra tổng hợp báo cáo Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trước khi báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế, Cục Thuế.

2. Trình tự các bước tiến hành tự kiểm tra:

2.1. Tập hợp đầy đủ hồ sơ liên quan đến công tác thi đua khen thưởng trong kỳ tự kiểm tra.

2.2. Rà soát tình hình và kết quả triển khai công tác thi đua tại đơn vị theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

2.3. Rà soát, đối chiếu kết quả khen thưởng, danh sách đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng với tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

2.4. Rà soát, đối chiếu các thủ tục xét, trình khen thưởng với quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

2.5. Tổ trưởng tập hợp kết quả tự kiểm tra và lập thành biên bản tự kiểm tra.

2.6. Biên bản tự kiểm tra phải được thông qua từng thành viên trong tổ kiểm tra để thống nhất và cùng ký vào biên bản.

2.7. Tổ trưởng tổ kiểm tra báo cáo lãnh đạo đơn vị (Phòng, Vụ, đơn vị, Chi cục Thuế...).

Chương IV

NỘI DUNG KIỂM TRA, TỰ KIỂM TRA; NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA VÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA; THỜI GIAN KIỂM TRA; XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM TRA

Điều 12. Nội dung kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng:

1. Kiểm tra công tác thi đua:

1.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch triển khai công tác thi đua, khen thưởng hàng năm.

1.2. Các hình thức thi đua đơn vị đã thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn Luật, văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

1.3. Tình hình triển khai thực hiện các nội dung phong trào thi đua.

1.4. Tình hình thực hiện việc xây dựng điển hình tiên tiến và nhân rộng, học tập các gương điển hình tiên tiến.

1.5. Tổng kết, đánh giá, bình xét kết quả các phong trào thi đua.

2. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ của Nhà nước; chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế về công tác thi đua, khen thưởng:

2.1. Tình hình phổ biến, quán triệt Luật Thi đua, Khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật, văn bản hướng dẫn khác của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

2.2. Tình hình triển khai các biện pháp và kết quả công tác thi đua, khen thưởng.

3. Kiểm tra việc bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thành tích, công trạng đạt được hàng năm và theo quý:

3.1. Việc áp dụng tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật; hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế... vào bình xét khen thưởng.

- 3.2. Việc thực hiện quy trình, thủ tục bình xét thi đua, khen thưởng.
- 3.3. Việc thực hiện quy định về thẩm quyền khen thưởng, đề nghị khen thưởng.
4. Kiểm tra việc sắp xếp, bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng:
 - 4.1. Tình hình sắp xếp, bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.
 - 4.2. Số lượng, chất lượng cán bộ được giao nhiệm vụ làm công tác thi đua, khen thưởng.
5. Kiểm tra việc thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng:
 - 5.1. Về số lượng thành viên, thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng.
 - 5.2. Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua, khen thưởng.
 - 5.3. Tình hình hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng.
6. Kiểm tra việc nhập dữ liệu khen thưởng vào phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng và khai thác dữ liệu khen thưởng đã nhập.
7. Kiểm tra việc tổ chức lễ trao tặng, đón nhận các danh hiệu và hình thức khen thưởng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế (đối với Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
8. Kiểm tra việc hình thành, sử dụng và quản lý quỹ thi đua khen thưởng theo quy định.
9. Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng:
 - 9.1. Số lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo đơn vị nhận được
 - 9.2. Kết quả giải quyết của đơn vị (số đơn thư đã giải quyết, số đơn thư còn tồn đọng)
10. Kiểm tra hồ sơ khen thưởng và lưu trữ hồ sơ khen thưởng.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra, tổ trưởng kiểm tra:

1. Xây dựng chương trình, tiến độ thời gian tiến hành kiểm tra, tổ chức chỉ đạo các thành viên trong đoàn, tổ kiểm tra thực hiện đúng nội dung, đối tượng và thời hạn đã ghi trong quyết định kiểm tra.
2. Yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu liên quan phục vụ kiểm tra.
3. Báo cáo người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra, kiến nghị về hình thức xử lý, biện pháp xử lý đối với kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên đoàn, tổ kiểm tra:

1. Yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.
2. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn, tổ trưởng kiểm tra.
3. Báo cáo kết quả kiểm tra theo đúng nội dung do trưởng đoàn, tổ trưởng kiểm tra phân công; chịu trách nhiệm trước trưởng đoàn, tổ trưởng kiểm tra về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung đã báo cáo.
4. Trong quá trình kiểm tra nếu có vấn đề không thống nhất quan điểm thì phải chấp hành ý kiến chỉ đạo của trưởng đoàn, tổ trưởng và có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm tra:

1. Quyền của đơn vị được kiểm tra:
 - 1.1. Từ chối việc kiểm tra khi không có quyết định kiểm tra.
 - 1.2. Nhận biên bản kiểm tra và yêu cầu giải thích nội dung biên bản kiểm tra. Nếu có phát sinh những vấn đề chưa thống nhất giữa đơn vị và đoàn, tổ kiểm tra thì đơn vị được kiểm tra có quyền kiến nghị, bảo lưu ý kiến của mình. Ý kiến bảo lưu và kiến nghị của đơn vị được kiểm tra được ghi vào biên bản kiểm tra.
2. Nghĩa vụ của đơn vị được kiểm tra:
 - 2.1. Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kiểm tra.
 - 2.2. Báo cáo bằng văn bản về công tác thi đua, khen thưởng theo đúng nội dung quy định tại kế hoạch kiểm tra hàng năm của Tổng cục Thuế (Cục Thuế) và các nội dung cần thiết khác.
 - 2.3. Cung cấp kịp thời, đầy đủ chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn, tổ kiểm tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin tài liệu đã cung cấp.
 - 2.4. Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra khi đoàn, tổ kiểm tra yêu cầu.
 - 2.5. Chấp hành kết quả xử lý sau kiểm tra (nếu có).

Điều 16. Thời gian kiểm tra và thời hạn ký biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra:

1. Thời gian kiểm tra:

1.1. Thời gian tiến hành kiểm tra, tự kiểm tra được thực hiện trong các quý của năm theo kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra được lãnh đạo Tổng cục Thuế, lãnh đạo các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, lãnh đạo Cục Thuế, Chi cục Thuế phê duyệt.

1.2. Thời gian thực hiện một cuộc kiểm tra:

1.2.1. Đối với các cuộc kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng do lãnh đạo Tổng cục Thuế ký quyết định kiểm tra có nhiều đơn vị được kiểm tra, nội dung kiểm tra nhiều và phức tạp, thời gian thực hiện kiểm tra tại các đơn vị không quá 10 ngày làm việc.

1.2.2. Đối với các cuộc kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng khác thời gian thực hiện kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.

1.2.3. Thời gian thực hiện kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra đến khi kết thúc việc kiểm tra tại các đơn vị được kiểm tra, không kể ngày nghỉ làm việc theo chế độ và ngày đi đường.

2. Thời hạn ký biên bản kiểm tra: Chậm nhất 24 giờ sau khi kết thúc kiểm tra, trưởng đoàn (tổ trưởng) kiểm tra và đơn vị được kiểm tra phải ký biên bản kiểm tra.

3. Chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc kiểm tra, trưởng đoàn (tổ trưởng) kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ trưởng đơn vị (người ra quyết định thành lập đoàn (tổ) kiểm tra).

Điều 17. Xử lý kết quả kiểm tra:

1. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, các đơn vị, tập thể và cá nhân có thành tích thực hiện tốt chính sách, chế độ, quy định của Nhà nước và có nhiều sáng kiến cải tiến về công tác thi đua, khen thưởng sẽ được nêu gương học tập và được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Đối với các đơn vị, tập thể và cá nhân không thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chính sách, chế độ, quy định của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng phải tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm, kịp thời có biện pháp khắc phục và báo cáo Tổng cục Thuế kết quả xử lý.

3. Đối với các trường hợp có vi phạm trong công tác thi đua, khen thưởng, tùy theo nội dung, tính chất, mức độ của vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại điều 96, điều 97 Luật Thi đua, khen thưởng và điều 80, điều 81 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Chế độ báo cáo:

1. Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp kết quả kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình và công tác tự kiểm tra của các đơn vị trực thuộc, kiến nghị những vấn đề cần xem xét sửa đổi, bổ sung trong công tác thi đua, khen thưởng, báo cáo Tổng cục Thuế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 10/11 hàng năm.

2. Các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế báo cáo kết quả công tác tự kiểm tra về Tổng cục Thuế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 10/11 hàng năm.

3. Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp kết quả kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng toàn ngành báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính trước ngày 30/11 hàng năm.

Điều 19. Khen thưởng, kỷ luật:

1. Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua khen thưởng, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo được khen thưởng theo quy định.

2. Các đơn vị, cá nhân không thực hiện đầy đủ kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra, không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo kết quả kiểm tra, tự kiểm tra công tác thi đua khen thưởng sẽ bị xem xét, đánh giá kết quả, trừ điểm thi đua năm./.



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Bùi Văn Nam